

Số: 331/2026/QĐST-DS

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 30, 147, 212 và 214 của bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, mục 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2026 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 55/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Hoàng Thị Kim D**, sinh năm 1981; căn cước công dân số 025181000844, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/6/2022; nơi cư trú: **Tổ D, K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (nay là Tổ D, phường K, thành phố Hà Nội)**; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Việt H**, sinh năm 2002; địa chỉ: **Tổ A, phường T, tỉnh Thái Nguyên**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T** – Luật sư thuộc **Văn phòng L1**.

- **Bị đơn:** Bà **Vũ Thị Minh T1**, sinh năm 1979; căn cước công dân số 001179008602, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/5/2021; nơi cư trú: **Thôn T, xã Y, thành phố Hà Nội**.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:** Ông **Phạm Thế L**, sinh năm 1975; căn cước công dân số 001075002756, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/7/2021; nơi cư trú: **Thôn A, xã H, thành phố Hà Nội**.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà **Nguyễn Thị Duyên H1**, sinh năm 1977; căn cước công dân số 001177003338; nơi đăng ký thường trú: **Đ, thôn N, xã K, huyện Đ, thành phố Hà Nội** (nay là **Đ, thôn N, xã T, thành phố Hà Nội**);

+ Ông **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1972; căn cước công dân số 033072000084, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021; nơi đăng ký thường trú: **Số I, ngõ F N, phường S, quận L, thành phố Hà Nội** (nay là **Số I, ngõ F N, tổ H, phường P, thành phố Hà Nội**).

+ Ông **Nguyễn Đức H3**, sinh năm 1976 (đã chết ngày 08/9/2023);

+ Bà **Võ Thị Thanh T2**, sinh năm 1977; nơi cư trú: **Căn hộ C, Tòa C, C - HT, phường M, quận H, thành phố Hà Nội**.

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông **Nguyễn Đức H3** gồm:

- Bà **Võ Thị Thanh T2**, sinh năm 1977 (vợ);

- Chị **Nguyễn Thị Thanh H4**, sinh năm 2001 (con);

- Anh **Nguyễn Đức H5**, sinh năm 2004 (con);

- Cháu **Nguyễn Tâm A**, sinh năm 2021 (con);

- Bà **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1949 (mẹ).

Địa chỉ của bà **Võ Thị Thanh T2**, chị **Nguyễn Thị Thanh H4**, anh **Nguyễn Đức H5** và cháu **Nguyễn Tâm A**: **Căn hộ C1701, Chung cư M, tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Hà Nội**.

Địa chỉ của bà **Nguyễn Thị Thanh X**: **Thôn N, xã N, tỉnh Ninh Bình**.

Bà **Võ Thị Thanh T2** là người đại diện theo ủy quyền của chị **Nguyễn Thị Thanh H4**, anh **Nguyễn Đức H5** và bà **Nguyễn Thị Thanh X** theo Văn bản thỏa thuận lập ngày 02/6/2025.

+ Bà **Trần Thị Q**, sinh năm 1972 (vợ ông **Phạm Thế L**); căn cước công dân số 001172021572, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/7/2021; nơi cư trú: **Thôn B, xã H, thành phố Hà Nội**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Thế L** (theo Giấy ủy quyền ng

+ Ông **Trần Quang N**, sinh năm 1979; căn cước công dân số 036079012496; nơi cư trú: **Tổ D, K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội** (nay là **Tổ D, phường K, thành phố Hà Nội**).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Công nhận bà **Vũ Thị Minh T1**, ông **Phạm Thế L**, bà **Nguyễn Thị Duyên H1**, bà **Hoàng Thị Kim D** và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông **Nguyễn Đức H3** là những người đồng sử dụng thửa đất số **28**, tờ bản đồ số **60**, diện tích **6.381,7 m²**, địa chỉ: **Xóm T, xã Y, thành phố Hà Nội** (nay là **thôn T, xã Y, thành phố Hà Nội**).

2.2. Phân chia quyền sử dụng thửa đất số **28**, tờ bản đồ số **60**, diện tích **6.381,7 m²**, địa chỉ: **Xóm T, xã Y, thành phố Hà Nội (nay là thôn T, xã Y, thành phố Hà Nội)**, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CO 515944**, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận **CS-TTH 10979**, do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 24/8/2018 cho ông **Nguyễn Văn K**; đã đăng ký sang tên bà **Vũ Thị Minh T1** ngày 29/4/2020 tại trang 4 của Giấy chứng nhận, cho các đồng sử dụng đất như sau:

a) Bà **Vũ Thị Minh T1** được quyền sử dụng diện tích **1.661,2 m²**; ranh giới được xác định bởi các điểm **1-2-11-12-1** theo sơ đồ phân chia thửa đất. Giá trị quyền sử dụng đất là: **1.661,2 m² × 300.000 đồng/m² = 498.360.000 đồng** (bốn trăm chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

b) Ông **Phạm Thế L** và bà **Trần Thị Q** được quyền sử dụng diện tích **780,1 m²**; ranh giới được xác định bởi các điểm **2-3-10-11-2** theo sơ đồ phân chia thửa đất. Giá trị quyền sử dụng đất là: **780,1 m² × 300.000 đồng/m² = 234.030.000 đồng** (hai trăm ba mươi bốn triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).

c) Bà **Nguyễn Thị Duyên H1** và ông **Nguyễn Văn H2** được quyền sử dụng diện tích **2.099,1 m²**; ranh giới được xác định bởi các điểm **3-4-9-10-3** theo sơ đồ phân chia thửa đất. Giá trị quyền sử dụng đất là: **2.099,1 m² × 300.000 đồng/m² = 629.730.000 đồng** (sáu trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

d) Bà **Hoàng Thị Kim D** và ông **Trần Quang N** được quyền sử dụng diện tích **944,0 m²**; ranh giới được xác định bởi các điểm **4-5-8-9-4** theo sơ đồ phân chia thửa đất. Giá trị quyền sử dụng đất là: **944,0 m² × 300.000 đồng/m² = 283.200.000 đồng** (hai trăm tám mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

đ) Những người thừa kế của ông **Nguyễn Đức H3**, gồm bà **Võ Thị Thanh T2**, chị **Nguyễn Thị Thanh H4**, anh **Nguyễn Đức H5**, cháu **Nguyễn Tâm A** và bà **Nguyễn Thị Thanh X**, được quyền sử dụng diện tích **897,3 m²**; ranh giới được xác định bởi các điểm **5-6-7-8-5** theo sơ đồ phân chia thửa đất. Giá trị quyền sử dụng đất là: **897,3 m² × 300.000 đồng/m² = 269.190.000 đồng** (hai trăm sáu mươi chín triệu một trăm chín mươi nghìn đồng).

Sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo Quyết định này là bộ phận không tách rời của Quyết định.

2.3. Bà **Vũ Thị Minh T1**, ông **Phạm Thế L**, bà **Trần Thị Q**, bà **Nguyễn Thị Duyên H1**, ông **Nguyễn Văn H2**, bà **Hoàng Thị Kim D**, ông **Trần Quang N** và những người thừa kế của ông **Nguyễn Đức H3** (do bà **Võ Thị Thanh T2** đại diện) có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; đồng thời thực hiện các nghĩa vụ tài chính

đôi với Nhà nước (nếu có).

2.4. Đối với thửa đất số **15** và thửa đất số **16**, tờ bản đồ **K5**, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2.5. Giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CO 515944**, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận **CS-TTH 10979**, do **Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H** cấp ngày 24/8/2018 cho ông **Nguyễn Văn K**, đã đăng ký sang tên bà **Vũ Thị Minh T1** ngày 29/4/2020, cho bà **Hoàng Thị Kim D** để thực hiện thủ tục đăng ký biến động, tách thửa và các thủ tục có liên quan đối với phần diện tích được phân chia cho các đồng sử dụng theo Quyết định này và bản trích đo địa chính kèm theo.

Chi phí đo đạc, tách thửa và các chi phí phát sinh khác do các bên tự thỏa thuận và hoàn trả cho bà **Hoàng Thị Kim D** theo thỏa thuận giữa các bên.

2.6. Về án phí:

- Bà **Vũ Thị Minh T1** phải chịu **11.967.000 đồng** (mười một triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông **Phạm Thế L** và bà **Trần Thị Q** phải chịu **5.857.000 đồng** (năm triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ **3.000.000 đồng** (ba triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0009397** ngày **16/4/2026** của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Ông **Phạm Thế L** và bà **Trần Thị Q** còn phải nộp **2.857.000 đồng** (hai triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn đồng).

- Bà **Nguyễn Thị Duyên H1** và ông **Nguyễn Văn H2** phải chịu **14.595.000 đồng** (mười bốn triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Những người thừa kế quyền, nghĩa vụ của ông **Nguyễn Đức H3** (do bà **Võ Thị Thanh T2** đại diện) phải chịu **6.730.000 đồng** (sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà **Hoàng Thị Kim D** và ông **Trần Quang N** phải chịu **7.080.000 đồng** (bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền **57.760.000 đồng** (năm mươi bảy triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0059116** ngày **25/3/2025** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – thành phố Hà Nội). Hoàn trả cho bà **Hoàng Thị Kim D** số tiền **50.680.000 đồng** (năm mươi triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- THADS thành phố Hà Nội;
- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội;
- VKSND Khu vực 10 – Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy